

Sự khác biệt giữa hợp tác xã và công ty: nhìn từ bản sắc hợp tác xã

VÕ THỊ KIM SA

Hợp tác xã hiện nay được nhiều người nói đến, nhưng chỉ có ít người thực sự am hiểu về bản chất đích thực của hợp tác xã. Một số người chỉ tập trung phát huy các khía cạnh xã hội của hợp tác xã. Một số khác cho rằng hợp tác xã đơn thuần là một loại hình doanh nghiệp nên đánh đồng hợp tác xã với công ty. Có một sự ngộ nhận khá phổ biến về sự khác biệt giữa hợp tác xã và các loại hình công ty, nhất là với công ty cổ phần. Ý niệm mơ hồ về cách thức tổ chức và quản lý hợp tác xã có thể dẫn đến sai lầm, đặc biệt khi các địa phương đang đồng loạt xây dựng “tổ hợp tác hoặc hợp tác xã hoạt động có hiệu quả” để đạt được tiêu chí số 13 trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới¹. Bài viết giúp chúng ta nhận thức đầy đủ hơn về bản sắc hợp tác xã và sự khác biệt giữa hợp tác xã và công ty cổ phần.

Năm 2006, tại bang Quebec, Canada có 3.200 hợp tác xã với hơn 7,7 triệu xã viên. Lúc bấy giờ dân số tại đây chỉ khoảng 7,5 triệu người². Điều này có nghĩa là nhiều người dân ở vùng này tham gia nhiều hơn một hợp tác xã. Từ câu chuyện của Quebec, chúng ta nhìn lại những con số tương ứng ở Việt Nam. Đến ngày 30-6-2010, cả nước có 18.244 hợp tác xã, 53 liên hiệp hợp tác xã với khoảng 7,5 triệu xã viên³ (chiếm 9% tổng dân số). “Tại sao hợp tác xã ở Quebec phát triển mạnh như vậy?” Bà Lise Jacob, Vụ trưởng Vụ Hợp tác xã, Bộ Phát triển kinh tế, cải tiến và xuất khẩu bang Quebec lý giải rằng: Nhà nước Canada nói chung và Quebec nói riêng luôn tôn trọng và duy trì bản sắc riêng của hợp tác xã, tạo điều kiện tốt nhất để các hợp tác xã phát triển bằng cách xây dựng khuôn khổ pháp lý phù hợp và chính sách phát triển hợp tác xã hiệu quả.

Chắc chắn rằng hợp tác xã có thể hoạt động tốt như bất kỳ doanh nghiệp nào, thậm chí hợp tác xã có thể hoạt động tốt hơn công ty, nếu chúng ta am hiểu bản chất của hợp tác xã, biết cách sử dụng và khai thác công cụ tập thể độc đáo này, một tổ chức vừa

mang tính chất của một doanh nghiệp kinh doanh, vừa mang tính chất của một hiệp hội dân chủ. Đây là công cụ hữu hiệu giúp kinh tế hộ nâng cao sức cạnh tranh và phát triển.

1. Bản sắc hợp tác xã

Thẻ căn cước (identity card) của mỗi cá nhân cho phép người ta nhận diện được người mang thẻ qua những nét đặc biệt của người đó mà những người khác không có. Cũng tương tự như vậy, trong xã hội hợp tác xã mang bản sắc riêng (co-operative identity) và khác họa nên sự khác biệt cơ bản giữa hợp tác xã với các loại hình tổ chức khác, đặc biệt là với công ty cổ phần.

Theo dòng lịch sử, phong trào hợp tác xã được khởi xướng tại Châu Âu từ cuối thế kỷ XVIII, ngay sau khi hình thành cuộc cách mạng công nghiệp và chủ nghĩa tư bản phát

Võ Thị Kim Sa, Trường Cán bộ quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn II.

¹ Quyết định 491/QĐ-TTg ngày 16-4-2009 của Thủ tướng Chính phủ.

² The cooperative department, The Ministry of Economic Development, Innovation and Export of Quebec (2009), *Cooperative plan for 2010 – 2012*.

³ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, *Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ III (2005 – 2010)*, Hà Nội.

triển. Phong trào hợp tác xã được khẳng định bằng việc đăng ký thành lập Liên minh những người tiên phong công bằng Rochdale (Rochdale society of equitable pioneers) vào ngày 24-10-1844. Từ đó, các hợp tác xã xuất hiện ngày càng nhiều hơn, trở nên phổ biến hơn và có vị trí đặc biệt quan trọng trong xã hội ở các nước Châu Âu như Đức, Pháp, Nga... và sau đó lan rộng ra nhiều quốc gia trên thế giới.

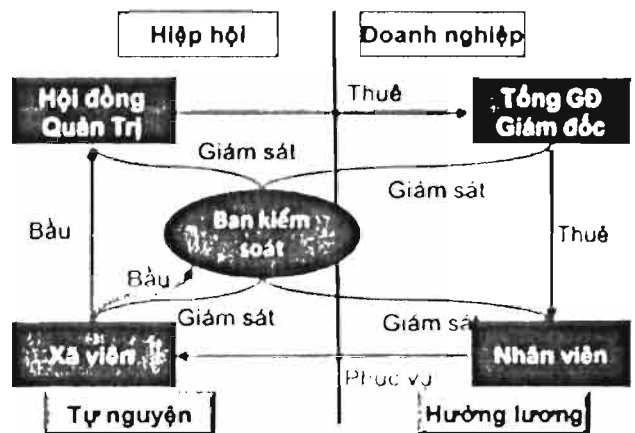
Kể từ khi hợp tác xã đầu tiên đăng ký thành lập vào năm 1844, khái niệm hợp tác xã được sử dụng rộng rãi và trở nên phổ biến. Tuy nhiên, chưa có một định nghĩa chính thức được công nhận chung và diễn giải thống nhất “thế nào là hợp tác xã?” Điều này đã làm nảy sinh một nhu cầu cấp thiết là phải làm sáng tỏ định nghĩa hợp tác xã với chức năng là tiêu chuẩn để phân biệt hợp tác xã với các loại hình tổ chức khác.

Liên minh Hợp tác xã quốc tế luôn quan tâm đến tính lịch sử, truyền thống của hợp tác xã và đúng trên lập trường rằng hợp tác xã là tổ chức tuân thủ nguyên tắc riêng và mang bản sắc riêng. Các đặc trưng riêng mang bản sắc hợp tác xã được hình thành và luôn được điều chỉnh để phù hợp với từng bối cảnh lịch sử cụ thể và hướng đến sự hoàn thiện. Các đặc trưng này không phải là cái hoàn chỉnh, cố định ngay từ buổi sơ khai hình thành hợp tác xã, mà nó luôn gắn với những biến động thăng, trầm nhưng liên tục của phong trào hợp tác xã thế giới.

Vào ngày 23-9-1995 nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày thành lập, Liên minh Hợp tác xã quốc tế đã thông qua Bản Tuyên ngôn về bản sắc hợp tác xã (statement of co-operative identity) tại Manchester (Anh Quốc). Lần đầu tiên định nghĩa hợp tác xã được chính thức đưa ra. Liên minh Hợp tác xã quốc tế khuyến cáo các tổ chức thành viên của mình sử dụng định nghĩa này nhằm phát huy các khía cạnh thể chế, khía cạnh kinh tế và khía cạnh xã hội của hợp tác xã.

Hợp tác xã được định nghĩa như sau: “Hợp tác xã là một hiệp hội (association) tự chủ do các cá nhân tự nguyện liên kết với nhau nhằm thỏa mãn nhu cầu và nguyện vọng chung về kinh tế, xã hội và văn hóa thông qua việc hình thành doanh nghiệp (enterprise) do tập thể xã viên đồng sở hữu và quản lý dân chủ”

HÌNH 1. Vai trò kép của Hợp tác xã



Ý niệm về vai trò kép của hợp tác xã được thể hiện như hình 1. Đây là minh họa trực quan, rõ ràng về những mối quan hệ giữa các bộ phận tạo thành hợp tác xã. Nhìn vào cơ cấu tổ chức của hợp tác xã, chúng ta tin chắc rằng hợp tác xã có cấu trúc phức tạp hơn bất kỳ doanh nghiệp hay tổ chức hiệp hội nào, bởi vì nó có hai cơ cấu cùng tồn tại song hành: một hiệp hội mang tính kinh tế và một doanh nghiệp mang tính xã hội. Khía cạnh hiệp hội được hình thành trên cơ sở các cá nhân tự nguyện liên kết trên tinh thần thiện nguyện, tương trợ, dân chủ, công bằng, bình đẳng, bác ái, mang tính nhân văn vì mục tiêu phát triển cộng đồng... Trong khi đó, khía cạnh doanh nghiệp được thể hiện ở việc hợp tác xã hình thành nguồn vốn chủ sở hữu từ việc huy động vốn góp (cổ phần thành viên hay cổ phần xã hội) từ xã viên, xây dựng chiến lược kinh doanh, marketing, tổ chức hoạt động kinh doanh có hiệu quả nhằm mục đích mang lại lợi ích tốt nhất cho xã viên và gia tăng tài sản của hợp tác xã.

2. Sự khác biệt giữa hợp tác xã và công ty cổ phần

Hợp tác xã và công ty cổ phần khác nhau ở 4 khía cạnh chủ yếu: lý do thành lập và tôn chỉ, mục đích; phương thức góp vốn; tài sản và chia sẻ quyền lực; quan hệ giữa xã viên với hợp tác xã và cách thức phân phối lại thặng dư.

Lý do thành lập và tôn chỉ, mục đích

Xã viên thành lập hợp tác xã để mưu tìm cách thức thỏa mãn nhu cầu chung một cách hiệu quả nhất. Thông qua hoạt động “mua chung, bán chung hoặc làm chung một vài công đoạn trong chuỗi hoạt động sản xuất”, xã viên tiết kiệm được chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất và sức cạnh tranh của sản phẩm do mình làm ra. Tôn chỉ của hợp tác xã là *tối đa hóa lợi ích trước mắt và lâu dài cho xã viên* thông qua các giao dịch giữa xã viên với hợp tác xã.

Ngược lại, công ty cổ phần do nhiều cá nhân hoặc tổ chức cùng sở hữu. Công ty cổ phần hướng đến đáp ứng nhu cầu thị trường như một hình thức đầu tư với mục đích là *tạo ra lợi nhuận* càng nhiều càng tốt. Thước đo mức độ thành công của công ty là mức sinh lợi từ đồng vốn đầu tư. Trong khi đó đối với hợp tác xã, sự thành công thể hiện trong lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài mà xã viên nhận được từ giao dịch với hợp tác xã.

Phương thức góp vốn

Điều kiện để tham gia vào hợp tác xã là xã viên chứng minh nhu cầu sử dụng dịch vụ, tự nguyện chấp nhận điều lệ của hợp tác xã và góp vốn hay mua cổ phần thành viên (có nơi gọi là cổ phần xã hội). Xã viên là những người góp vốn để tạo lập hợp tác xã và họ đóng vai trò là người chủ sở hữu của hợp tác xã. Cổ phần của xã viên được đăng ký dưới tên của xã viên cho nên được gọi là cổ phần ghi danh. Xã viên không được tự do mua bán, chuyển nhượng cổ phần từ người này sang người khác. Chỉ có hợp tác xã mới có thể mua lại cổ phần của xã viên.

Trong công ty cổ phần, cổ đông có thể có một hay nhiều, thậm chí phần lớn cổ phần. Thông thường, cổ phần của công ty không ghi danh nên có thể tự do buôn bán trong thị trường.

Tài sản và quan hệ quyền lực

Trong hợp tác xã, một phần (không phải tất cả) của vốn chủ sở hữu là quỹ dự trữ chung. Quỹ dự trữ chung của hợp tác xã mang tính chất bất khả chuyển nhượng nhằm bảo đảm sự tồn tại liên tục của hợp tác xã và chống lại bất cứ sự mua bán cơ hội nào. Điều này có nghĩa là khi nào hợp tác xã còn đủ điều kiện để hoạt động thì không ai có thể bán hay chuyển nhượng hợp tác xã được. Quỹ dự trữ chung còn là di sản của hợp tác xã dành cho thế hệ tương lai. Đây là đặc điểm mang tính nhân văn, đề cao giá trị cộng đồng và tính sở hữu chung của hợp tác xã. Quỹ dự trữ chung được hình thành và phát triển không có mục đích tự thân, mà hướng đến việc phục vụ có hiệu quả nhu cầu chung, lâu dài của xã viên. Trong trường hợp hợp tác xã phải giải thể thì Đại hội Xã viên quyết định hình thức xử lý quỹ dự trữ chung, thông thường nó được chuyển giao cho tổ chức có trách nhiệm thúc đẩy phong trào phát triển hợp tác xã, hoặc chuyển cho hợp tác xã khác hoạt động trong cùng lĩnh vực. Ngược lại, ở công ty cổ phần, tất cả tài sản thuộc về cổ đông, tương ứng với tỷ lệ số lượng cổ phần mà cổ đông sở hữu trong tổng vốn sở hữu chủ của công ty. Việc mua bán, chuyển nhượng công ty xảy ra như là một hiện tượng bình thường và ngày càng trở nên phổ biến.

Xã viên đồng sở hữu và quản lý hợp tác xã theo nguyên tắc dân chủ. Xã viên thực hiện vai trò làm chủ của mình bằng cách tham gia vào quá trình ra quyết định. Trong hợp tác xã, phương thức xã viên tham gia vào quá trình ra quyết định được mô phỏng từ dân chủ nghị viện. Quyền biểu quyết của xã viên là *bình đẳng* theo nguyên tắc “*một xã viên, một phiếu bầu*”, không phụ thuộc vào địa vị xã hội, không phụ thuộc vào mức độ góp vốn

và cũng không phụ thuộc vào mức độ sử dụng dịch vụ của xã viên đó. Ý nghĩa của nguyên tắc bình đẳng trong quyền lực sẽ được làm rõ hơn khi so sánh hợp tác xã với công ty cổ phần.

Ở công ty cổ phần, các cổ đông thể hiện quyền làm chủ của mình theo nguyên tắc “mỗi cổ phần, một phiếu bầu”. Điều này có nghĩa là cổ đông nào càng nắm giữ nhiều cổ phiếu thì càng có nhiều quyền trong biểu quyết. Nơi có tiền là nơi tập trung quyền lực. Ngược lại, nguyên tắc bình đẳng trong hợp tác xã chia cắt giữa thế lực đồng tiền và quyền lực trong ra quyết định. Ý nghĩa sâu xa của nguyên tắc “mỗi xã viên, một phiếu bầu” không chỉ đơn thuần là tư tưởng bình đẳng, mà còn ở chỗ khống chế sự xâm hại của đồng tiền đối với con người. Hợp tác xã mang đặc tính “trọng nhân”, trong khi đó công ty cổ phần mang tính “trọng vốn”

Quan hệ giữa xã viên với hợp tác xã và cách thức phân phối lại thặng dư

Tập hợp xã viên có tính chất rất đặc biệt. Hợp tác xã thực hiện những hoạt động kinh doanh như một doanh nghiệp, trong đó xã viên là khách hàng chủ yếu sử dụng dịch vụ của hợp tác xã. Nét đặc thù của hợp tác xã thể hiện ở tính mở.

Xét dưới góc độ kinh tế, cộng đồng xã viên chính là thị trường chính của hợp tác xã. Hợp tác xã có càng nhiều xã viên thì hợp tác xã càng có thị phần rộng lớn, lượng khách hàng trung thành càng cao. Lúc này, hợp tác xã hoạt động càng có hiệu quả hơn nhờ vào lợi thế theo quy mô. Để gia tăng số lượng xã viên khách hàng, nhiều hợp tác xã trên thế giới thường mở rộng thị trường bằng cách mở rộng địa bàn hoạt động, thu hút và kết nạp thêm nhiều xã viên mới, hoặc bằng cách liên kết, sáp nhập hoặc hợp nhất các hợp tác xã lại với nhau.

Xét về mặt xã hội, cộng đồng xã viên càng lớn thì hợp tác xã càng có lợi thế trong việc phát huy tinh thần hợp tác, tinh thần tự quản,

mở rộng dân chủ, nâng cao hiệu quả sinh hoạt văn hóa, cộng đồng. Nguyên tắc “mở” được đưa vào bộ nguyên tắc Rochdale từ năm 1844 và nó luôn được xem là nguyên tắc quan trọng nhất, đưa lên là nguyên tắc đầu tiên, cùng với “tính tự nguyện” trong suốt thời gian qua. Ngày nay, trong bối cảnh hội nhập, “tính mở” của hợp tác xã đã xóa nhòa ranh giới hành chính của hợp tác xã. Như nhiều loại hình doanh nghiệp khác, hợp tác xã không nhất thiết phải bó hẹp trong địa bàn dân cư hay vùng lãnh thổ. “Tính mở” của hợp tác xã cũng xóa bỏ tình trạng một người chỉ có thể là xã viên của một hợp tác xã như trước kia.

Quan hệ giữa xã viên và hợp tác rất khác biệt so với quan hệ giữa cổ đông và công ty, theo đó cách thức phân phối lại lợi nhuận cũng khác nhau giữa hợp tác xã và công ty.

Về mặt từ ngữ, một số quốc gia dùng khái niệm “thặng dư” (surplus) để chỉ phần tiền chênh lệch giữa doanh thu và chi phí trong hợp tác xã và khái niệm tương ứng trong doanh nghiệp là “lợi nhuận” hay “lãi” (profit). Ở Việt Nam, trong các văn bản pháp luật cũng như trong cuộc sống thực tiễn, hai khái niệm “lợi nhuận” và “lãi” được sử dụng cho cả hợp tác xã và doanh nghiệp. Trong hợp tác xã, khái niệm “thặng dư” phản ánh đúng bản chất hơn, bởi vì đó là khoản chênh lệch giữa doanh thu và chi phí có nguồn gốc từ giao dịch giữa hợp tác xã với các chủ sở hữu của nó (xã viên vừa là chủ sở hữu, vừa là người sử dụng dịch vụ của hợp tác xã). Trong dự thảo Luật Hợp tác xã (sửa đổi), khái niệm “thu nhập” được sử dụng để chỉ khoản chênh lệch này.

Nguyên tắc Rochdale vào năm 1844 và sau này các nguyên tắc do Liên minh Hợp tác xã quốc tế điều chỉnh năm 1937, năm 1966 và năm 1995 đều khuyến cáo việc phân phối lại thặng dư theo mức độ sử dụng dịch vụ (mức độ giao dịch giữa xã viên với hợp tác xã) và nhấn mạnh cần phải hạn chế tối đa việc chia lãi trên tư bản đầu tư (theo vốn góp). Nguyên tắc này được khởi xướng và khuyến khích áp

dụng nhằm tránh hiện tượng đề cao tính lợi nhuận và làm xói mòn tinh thần hợp tác.

Xã viên cùng góp vốn gây dựng hợp tác xã, cùng sử dụng dịch vụ, cùng chia sẻ chi phí, cùng chịu trách nhiệm và cùng hưởng lợi từ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Thành quả của hợp tác xã được phân phối lại một cách công bằng (chứ không phải là cào bằng) cho mọi xã viên. Xã viên nào giao dịch càng nhiều với hợp tác xã thì nhận được phần phân phối lại càng cao. Điều này góp phần gia tăng mức độ trung thành của xã viên với hợp tác xã và là tiền đề để hợp tác xã phát triển bền vững. Những nhà tiên phong Rochdale tự gọi mình là những nhà tiên phong “công bằng” xuất phát từ ý nghĩa này.

Ở công ty cổ phần, cổ đông là những nhà đầu tư. Họ không cần giao dịch với công ty. Động cơ duy nhất của cổ đông là cổ tức kỳ vọng. Lợi nhuận được phân phối theo số lượng cổ phiếu mà cổ đông sở hữu.

Trong hợp tác xã: bình đẳng là nguyên tắc áp dụng trong chia sẻ quyền lực; công bằng là nguyên tắc áp dụng trong phân phối thặng dư. Giá trị bình đẳng và tính công bằng là những đặc tính nguồn cội của hợp tác xã. Giá trị bình đẳng thể hiện ở việc tổ chức điều hành và chia sẻ quyền lực. Tính công bằng được thể hiện dựa trên hai nguyên tắc: thặng dư của hợp tác xã được phân phối lại cho xã viên theo mức độ sử dụng dịch vụ và chia lãi theo vốn góp bị giới hạn ở mức tối đa (thậm chí không chia lãi theo vốn góp).

Trong hợp tác xã, thặng dư phân phối lại cho xã viên:

Không phải là “mọi người như nhau” theo mô hình tập thể hóa;

Cũng không phải là “mỗi người theo nhu cầu riêng” theo mô hình hiệp hội thiện nguyện;

Cũng không phải là “mỗi người theo mức độ sở hữu vốn” theo mô hình tư bản;

Mà là “mỗi người theo mức độ sử dụng dịch

vụ của hợp tác xã” theo mô hình hợp tác xã.

Ở Việt Nam, hiện tượng đề cao tính lợi nhuận và phân phối thặng dư theo vốn góp ở một số hợp tác xã như hiện nay đang làm xói mòn tinh thần hợp tác. Nếu hợp tác xã áp dụng cách phân chia lợi nhuận giống như ở công ty cổ phần, tức là lãi được chia theo số lượng cổ phiếu, thì xã viên sẽ trông chờ vào “phần chia lợi nhuận” mà không cần giao dịch với hợp tác xã (không sử dụng dịch vụ của hợp tác xã). Điều này làm cho hợp tác xã đi chệch khỏi bản sắc, hướng đến loại hình công ty thuần túy vì mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận.

3. Kết luận

Thực tế hiện nay có nhiều hợp tác xã ở Việt Nam hoạt động không theo đúng bản sắc hợp tác xã, lúng túng trong tổ chức hoạt động nên hiệu quả thấp, chưa mang lại nhiều lợi ích trước mắt, cũng như lợi ích lâu dài cho xã viên. Nhiều người chưa phân định được sự khác biệt giữa hợp tác xã và công ty cổ phần.

Giống như mỗi cá nhân có diện mạo và tính cách riêng cho phép người ta nhận diện được cá nhân đó, hợp tác xã cũng có bản sắc riêng để phân định nó với những loại hình tổ chức khác. Ngay từ khi tạo dựng hình hài hợp tác xã đầu tiên trên thế giới, những nhà sáng lập đã chọn lọc những tinh hoa từ nguyên tắc hoạt động của hiệp hội tự nguyện và doanh nghiệp, hòa quyện những đặc trưng này vào nhau để tạo ra mô hình “hợp tác xã” với những đặc trưng riêng biệt.

Những thành công trong và ngoài nước gợi mở một niềm tin rằng với vai trò kép: vừa là hiệp hội mang tính kinh tế, vừa là doanh nghiệp mang tính xã hội, hợp tác xã có thể hoạt động tốt như bất kỳ doanh nghiệp nào. Thậm chí hợp tác xã có thể hoạt động tốt hơn doanh nghiệp, nếu những xã viên am hiểu tường tận, tôn trọng bản sắc của hợp tác xã, biết cách sử dụng và khai thác công cụ tập thể độc đáo này./.